

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa:

\* Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc T**, sinh năm 1999. Địa chỉ: **Số 34 ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.**

\* Bị đơn: Anh **Lưu Văn T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: **Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 và Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Bùi Thị Ngọc T** và anh **Lưu Văn T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị **Bùi Thị Ngọc T** và anh **Lưu Văn T** thỏa thuận, thống nhất giao con chung tên **Lưu Phúc K**, sinh ngày 21/3/2016 cho anh **Lưu Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **T** không có yêu cầu.

Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc T được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở chị Bùi Thị Ngọc T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ngọc T đồng ý chịu 150.000 đồng ( *một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng ( *ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005258 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, chị Bùi Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Còn lại số tiền 150.000 đồng ( *một trăm năm mươi ngàn đồng*) chị T được hoàn trả lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Văn Trúc**